



XZA系列连接尺寸（ISO标准）

单位：mm

型号 \ 项目	法兰号	$\Phi d1$	$\Phi d2$	$\Phi d3$	$\Phi d5$	$\Phi d6$	n-d7	h1	h2	h3	H
XZA2	F10	125	70	102	50	38	4-M10	凹2	7	4	/
XZA3	F14	165	100	140	84	67	4-M16	凹3	12	3	33
XZA4	F16	210	130	165	99	81	4-M20	凹5	14	3	50
XZA5	F30	350	230	298	126	102	8-M20	凹3	16	5	/
XZA6	F35	415	260	356	160	110	8-M30	凸2	27	5	/